TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2022/HS-ST
Ngày 25-10-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Tỉnh

Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Hùng

Bà Cao Thị Hạ

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 142/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Bùi Trung K, sinh ngày 17 tháng 8 năm 1984 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Số 85 An Ch, An L 1, phường Sở D, quận Hồng B, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn V và bà Dương Thị M; có vợ Hoàng Thị Ph, có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 23/01/2022, chuyển tạm giam từ ngày 26/01/2022; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn Ch - Luật sư Văn phòng luật sư Lam Sơn thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt;

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1972, nơi cư trú: Thôn Hoàng L, xã Hồng Pho, huyện An D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Người làm chứng: Bà Dương Thị M và ông Đỗ Mạnh H, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3/2021, do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, Bùi Trung K nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để mang cầm cố, vay tiền nhằm chiếm đoạt tài sản. K truy cập vào mạng xã hội Facebook thấy có quảng cáo việc làm giả giấy tờ nên nhắn tin trao đổi thì được nhắn số điện thoại 0914870904 để trao đổi qua mạng xã hội Zalo. K truy cập số điện thoại 0914870904 thì thấy tài khoản Zalo có tên "Tuệ Như" nên cung cấp thông tin của mình và thỏa thuận đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 138, tờ bản đồ số 22, địa chỉ: thôn Tỉnh Thủy 2, An Hòa, An Dương, Hải Phòng, diện tích 140m2 (giấy 1), mang tên K với giá 5.000.000 đồng, đặt cọc trước 1.000.000 đồng. Khoảng 01 tuần sau, có nhân viên chuyển phát nhanh gọi điện cho K để nhận bưu phẩm, K kiểm tra đúng là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đặt làm giả và thanh toán cho nhân viên chuyển phát số tiền 4.000.000 đồng còn lại. Sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả K đến gặp anh Đỗ Mạnh H, sinh năm 1978, nơi cư trú: Do Nha, Tân Tiến, An Dương, Hải Phòng để thỏa thuận vay số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 1000 đồng/1 triệu/1 ngày và thống nhất đến văn phòng công chứng lập hợp đồng công chứng chuyển nhượng đất giữa K và anh H. Do việc lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải có chữ ký của vợ K là chị Hoàng Thị Phương hoặc phải ghi rõ là tài sản riêng của K nên không lập được hợp đồng chuyển nhượng và không vay được tiền của anh H.

Sau khi không vay được tiền của anh H, K tiếp tục liên lạc với tài khoản Zalo "Tuệ Như" để đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác (giấy 2) cùng ở địa chỉ trên nhưng có thêm xác nhận K được quyền sở hữu riêng với giá 5.000.000 đồng, đặc cọc trước 3.000.000 đồng.

Ngày 30/4/2021, K và bà Dương Thị Mơ (mẹ đẻ K), sinh năm 1962, nơi cư trú: Tỉnh Thủy 2, An Hòa, An Dương, Hải Phòng mang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả (giấy 1) cùng đến gặp bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1972, trú tại: thôn Tỉnh Thủy 1, xã An Hòa, An Dương, Hải Phòng cầm cố để vay số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất 4%/ tháng. Bà Kh đồng ý. K là người viết giấy biên nhận vay tiền của bà Kh, nhận số tiền 600.000.000 đồng từ bà Kh sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân. Khoảng 10 ngày sau khi vay tiền của bà Kh thì K nói cho bà Mơ biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cầm cố để vay tiền là giả.

Ngày 07/5/2021, nhân viên chuyển phát nhanh gọi điện cho K để nhận bưu phẩm. Sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả (giấy 2), K thanh toán cho nhân viên chuyển phát nhanh số tiền 2.000.000 đồng còn lại, sau đó K và anh Đỗ Mạnh H đến Văn phòng công chứng Tăng Thị Xuân ở địa chỉ thôn Vĩnh Khê, An Đồng, An Dương, Hải Phòng làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm mục đích vay số tiền 600.000.000 đồng. Quá trình làm hợp đồng công chứng Văn phòng công chứng phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của K có dấu hiệu làm giả nên trình báo công an huyện An Dương.

Sau khi phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do K cầm cố là giả, Bà Nguyễn Thị Kh giao nộp cho Cơ quan điều tra cùng giấy biên nhận vay tiền và Bùi

Trung K tự nguyện giao nộp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang cầm cố cho anh H lần thứ hai cùng 02 điện di động đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định đối với các tài liệu, dồ vật thu giữ được, kết quả:

- Tại Kết luận giám định số 62/KL-KTHS (TL) ngày 14/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Hải Phòng kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Trung K trên tài liệu cần giám định ký hiệu A trừ mục "Người làm chứng", "người giao tiền" so với chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Trung K trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người ký, viết ra.

- Tại Kết luận giám định số 197/KLGĐ ngày 25/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Hải Phòng kết luận:

+ Trong mẫu giám định ký hiệu A1:

Tìm thấy: 200 cuộc gọi lưu trong máy. Nội dung các cuộc gọi được thể hiện chi tiết tại thư mục có tên "A1" được lưu trong đĩa CD kèm theo.

Tìm thấy: 187 số điện thoại lưu trong danh bạ, 35 tin nhắn được lưu trong SIM. Nội dung các số điện thoại, tin nhắn được thể hiện chi tiết tại thư mục có tên "A1" được lưu trữ trong đĩa CD kèm theo.

+ Trong mẫu giám định ký hiệu A2:

Tìm thấy: 3134 số điện thoại trong danh bạ, 259 cuộc gọi, 23 tin nhắn tức thì, 82 cuộc hội thoại bằng ứng dụng Messenger, 19 cuộc hội thoại Native Messager, 16 tin nhắn Recents, 67 cuộc hội thoại bằng ứng dụng Zalo được lưu trong máy. Nội dung các số điện thoại, cuộc gọi, tin nhắn được thể hiện chi tiết tại thư mục có tên "A2" được lưu trong đĩa CD kèm theo. Không tìm thấy cuộc hội thoại bằng ứng dụng Zalo giữa tài khoản tên "K" với tài khoản "Tuệ Như".

Tìm thấy: 01 số điện thoại trong danh bạ, 04 tin nhắn được lưu trong SIM. Nội dung các số điện thoại, tin nhắn được thể hiện chi tiết tại thư mục có tên "A2" được lưu trong đĩa CD kèm theo.

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Bùi Trung K; Sinh năm 1984, Số CCCD 031084010186; Địa chỉ thường trú: số 85 An Chân, An Lạc 1, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng: Số CQ 333791; Số vào sổ cấp GCN: CS08679 ghi ngày 20/9/2019 (đóng dấu tài liệu cần giám định số: 197/2021 của PC09 - TP. Hải Phòng ký hiệu A3) là giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

+ Chữ ký mang tên "PHÓ GIÁM ĐỐC Phạm Thế Hoàng" và dấu hình tròn có nội dung "VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI - SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG; CHI NHÁNH HUYỆN AN DƯƠNG" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A là giả

+ Chữ ký mang tên "Chủ tịch Lê Anh Quân" tại mục "TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A là giả.

- Tại Kết luận giám định số 18/KLGĐ/PC09 ngày 21/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP Hải Phòng kết luận: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Bùi

Trung K; Sinh năm 1984, Số CCCD 031084010186; Địa chỉ thường trú: số 85 An Chân, An Lạc 1, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng: Số CQ 333791; Số vào sổ cấp GCN: CS08679 ghi ngày 20/9/2019 (đóng dấu tài liệu cần giám định số: 197/2021 của PC09 - TP. Hải Phòng ký hiệu A) là giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện An Dương và Ủy ban nhân dân xã An Hòa, huyện An Dương, kết quả các cơ quan trên không làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bùi Trung K, thửa đất Bùi Trung K đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất giao thông, do Ủy ban nhân dân xã An Hòa, huyện An Dương quản lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng bị can Bùi Trung K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. Lời khai của bị can, phù hợp với lời khai của người bị hại. Lời khai của người làm chứng, kiết quả giám định, cùng với tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị can Bùi Trung K đã trả cho Bà Kh 24.000.000 đồng tiền lãi và 38.000.000 đồng tiền gốc. Bà Kh yêu cầu bị can phải trả tiếp số tiền còn lại là: 562.000.000 đồng.

Vật chứng: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, đã qua sử dụng; 01 căn cước công dân mang tên Bùi Trung K, chuyển Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng quản lý theo quy định.

Tại Cáo trạng số 148/CT-VKSHP-P3 ngày 04/10/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Bùi Trung K về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, mục đích làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Kh 600.000.000 đồng. Bị cáo tiếp tục lừa đảo anh H để chiếm đoạt 600.000.000 đồng thì bị phát hiện.

Công bố lời khai bị hại và người làm chứng có nội dung bị cáo K đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả làm tin để vay số tiền 600.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Kh. Sau khi bị phát hiện bị cáo đã cùng gia đình trả lại 38.000.000 đồng tiền gốc và 24.000.000 đồng tiền lãi, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 562.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Sau khi phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xác định trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với bị hại. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức); Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Trung K từ 12 đến 13 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 16 năm đến 17 năm 06 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải bồi thường cho Bà Kh số tiền 562.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, đã qua sử dụng; trả lại bị cáo 01 căn cước công dân số mang tên Bùi Trung K.

Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật truy tố, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, bồi thường một phần cho bị hại, bị cáo có thời gian tham gia quân đội, hoàn cảnh gia đình khó khăn để cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, các kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên Bùi Trung K nảy sinh ý định đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để cầm cố vay tiền nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Khoảng tháng 3/2021, K cung cấp thông tin cá nhân của mình và thông tin địa chỉ thửa đất tại thôn Tỉnh Thủy 2, An Hòa, An Dương, Hải Phòng để đặt người có tài khoản Zalo "Tuệ Như" làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 30/4/2021, Bùi Trung K đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả làm tin để vay số tiền 600.000.000 đồng của bà Nguyễn

Thị Kh. Ngày 07/5/2021, K cùng anh Đỗ Mạnh H mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến Văn phòng công chứng để làm hợp đồng chuyển nhượng đất nhằm vay tiền của anh H thì bị Văn phòng công chứng phát hiện là giả nên đã trình báo Công an huyện An Dương. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 174 và Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung: Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, số tiền bị cáo Bùi Trung K chiếm đoạt của bị hại là 600.000.000 đồng nên hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Đối với tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, bị cáo đã cung cấp thông tin, thuê người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả bị cáo đã sử dụng vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số lượng tiền lớn. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[4] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của bị cáo đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước tổ chức xã hội làm giảm uy tín và giảm lòng tin của công dân đối với cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội. Vì vậy cần xử phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, trong thời gian ngắn bị cáo đã có hành vi làm giả 02 giấy CNQSDĐ. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã cùng gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, bản thân bị cáo có thời gian tham gia quân đội. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

[7] Căn cứ tính chất vụ án và mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, căn cứ vào số tiền bị cáo chiếm đoạt Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức án trên khởi điểm của khung hình phạt đối với cả 02 tội mới phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[9] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Nguyễn Thị Kh yêu cầu bồi thường số tiền 562.000.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của bị hại là chính đáng có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường đầy đủ cho bị hại.

[11] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone bị cáo dùng vào việc phạm tội; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia không liên quan đến việc phạm tội nhưng tại phiên tòa bị cáo không có yêu cầu xin lại nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước; đối với 01 căn cước công dân số mang tên Bùi Trung K cần trả lại bị cáo sử dụng.

[12] Về án phí: Bị cáo Bùi Trung K phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[14] Đối với đối tượng sử dụng tài khoản Zalo có tên Tuệ Như có hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức nhưng đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra ra Quyết định tách vụ án hình sự, tách hành vi của Tuệ Như để tiếp tục điều tra làm rõ, khi đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định. Đối với bà Dương Thị Mơ, là mẹ đẻ của bị cáo, cùng Bùi Trung K mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cầm cố cho bà Nguyễn Thị Kh lấy số tiền 600.000.000 đồng. Sau khi vay tiền được khoảng 10 ngày thì K nói cho bà Mơ biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả nhưng bà Mơ không nói cho Bà Kh biết và không đến cơ quan có thẩm quyền trình báo. Hành vi của Dương Thị Mơ có dấu hiệu của tội Không tố giác tội phạm. Tuy nhiên, xét Dương Thị Mơ và Bùi Trung K có quan hệ mẹ con, nhân thân chưa tiền án tiền sự, hành vi vi phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (áp dụng đối với tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức); Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Trung K 13 (mười ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 04 (bốn) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt của 2 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giữ 23 tháng 01 năm 2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự

Buộc bị cáo Bùi Trung K bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kh số tiền 562.000.000 (năm trăm sáu mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường trên, hàng tháng bị cáo còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, số Imei: 354987076973882, lắp 01 thẻ sim có số seri: 8401201124420395; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, đã qua sử dụng, số Imei: 353297055909746, lắp 01 thẻ sim số seri: 8401181012076386WD.

Trả lại bị cáo: 01 căn cước công dân số 031084010186, cấp ngày 12/8/2019 mang tên Bùi Trung K.

Tình trạng, đặc điểm các vật chứng thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03 tháng 10 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Bùi Trung K phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn*)* đồng án phí hình sự sơ thẩm và 26.480.000 (hai mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Vụ 1 - TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Tỉnh